

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 905/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13.7.2022.

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Trường Sanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Tuấn - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 784/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06.6.2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20.6.2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị Kim M– sinh năm: 1982 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xã X, huyện Y, tỉnh Z.

Bị đơn: Ông Phạm Huy Đ- sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xã X, huyện Y, tỉnh Z.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 22.10.2021, bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn Bà Đào Thị Kim Mtrình bày:

Bà và Ông Phạm Huy Đ tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xây dựng gia đình vào năm 2008, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22.10.2008.

Sau khi cưới ông bà sống chung hạnh phúc tại 62/18S tổ 3, ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, đến năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không còn hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với Ông Đ.

Về con chung: có 01 con chung Phạm Đào Đại P – sinh ngày 14.11.2008. Bà M yêu cầu nuôi dưỡng con chung Đại Phú, không yêu cầu Ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có

- Nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải Bà Đào Thị Kim M và Ông Phạm Huy Đ thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng Ông Đ không đến Tòa nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về phía bị đơn Ông Phạm Huy Đ, Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Ông Đ vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn trình bày ý kiến tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo trình tự thủ tục pháp luật quy định đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa Bà Đào Thị Kim M và Ông Phạm Huy Đ là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn Ông Phạm Huy Đ cư trú tại 62/ Xã X, huyện Y, tỉnh Z nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định nói trên theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng Ông Phạm Huy Đ vắng mặt không có lý do nên hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 20.6.2022 cũng được tổng đạt hợp lệ cho Ông Đ. Tại phiên tòa hôm nay Ông Đ vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn Bà Đào Thị Kim M có đơn xin vắng mặt. Tòa án đã triệu tập các đương sự hợp lệ lần thứ hai, do vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xét xử nhận thấy Bà Đào Thị Kim M và Ông Phạm Huy Đ tự nguyện xây dựng gia đình từ năm 2008, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22.10.2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Bà Đào Thị Kim M và Ông Phạm Huy Đ có thời gian sống chung từ năm 2008, có đăng ký kết hôn và có 01 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh theo lời trình bày của bà M là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xảy ra mâu thuẫn sâu sắc không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa, vợ chồng đã nhiều lần cho nhau cơ hội để thay đổi nhưng không được. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ theo quy định để tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện Bà Đào Thị Kim M và Ông Phạm Huy Đ trở về đoàn tụ với nhau nhưng Ông Đ không đến, điều này chứng tỏ Ông Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét hôn nhân giữa Bà Đào Thị Kim M và Ông Phạm Huy Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ly hôn là cần thiết nên việc Bà Đào Thị Kim M yêu cầu ly hôn với Ông Phạm Huy Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống Bà Đào Thị Kim My và Ông Phạm Huy Đ có 01 con chung Phạm Đào Đại P – sinh ngày 14.11.2008. Bà M yêu cầu nuôi dưỡng con chung Đại P, không yêu cầu Ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện trẻ Đại Phú đang sống với bà M nên việc giao trẻ Đại P cho bà M nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của trẻ Đại Phú nên Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Đại P cho bà M nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng: Bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn Ông Phạm Huy Đ, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng Ông Đ không đến Tòa để đưa ra ý kiến và yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[8] Về án phí: Bà Đào Thị Kim M chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đào Thị Kim Mộng.

Về quan hệ vợ chồng: Bà Đào Thị Kim M được ly hôn với Ông Phạm Huy Đ.

Về con chung: 01 con chung Phạm Đào Đại P – sinh ngày 14.11.2008. Giao trẻ Phạm Đào Đại P cho Bà Đào Thị Kim M trực tiếp nuôi dưỡng, bà M không yêu cầu Ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong vụ án này đương sự khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Trong vụ án này đương sự khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí DSST: Bà Đào Thị Kim M chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2021/0038516 ngày 28.12.2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.HM;
- Cơ quan THADS H.HM;
- Ủy ban nhân dân phường Tân Quý, quận Tân Phú, Tp.HCM.
- Các đương sự;
- Lưu

**Lưu Trường Sanh**